

TẬP VĂN TRẦN QUANG NHIỆP

1. LỤC BÁT TƯƠNG TƯ HAY CHIẾC GIÀY THƠM

Có một nhà thơ phương tây viết rằng: “Thi sĩ ở nơi gốc cây thơ, hai cánh tay như hai nhánh cây, hơi thở như hơi thở của thế giới, tim như nhịp đời, hồn như thần thánh, trái chín dưới tia nắng của người, dưới nhiệt hừng tài hoa của người, bài thơ từ trên cây thơ rụng xuống...” (Jean Bouhier).

Tôi gửi Giản thi phẩm nhỏ này. Nó như cái giỏ trái thơ của một mùa đời. Tôi đã hái những trái thơ chín của mùa đời tôi bằng đôi bàn tay cần mẫn của người làm vườn, đôi bàn tay giơ cao lên, và cố vươn tới cái tinh thể của tinh ca, đôi bàn tay non trẻ, đôi bàn tay tội nghiệp...

Thời gian trôi đi, trôi đi, lạnh lùng trôi đi, bất nhẫn trôi đi khiến tóc tôi phai màu, máu tôi cạn kiệt. Và tôi muốn la lên: Ta phải tái sinh! Ta phải tái sinh!

Nhưng bằng cách nào?

Bằng thơ.

Mà đúng vậy.

Mỗi bài thơ là một dấu ấn tái sinh trong thung lũng tâm linh của tôi. Tôi làm thơ không ngừng vì tôi tái sinh không ngừng. Tôi tái sinh không ngừng vì tôi làm thơ không ngừng; để được yêu, được say với hoa dại bên đường, mây hoang dòng suối... Để được tỏ tình với cuộc đời.

Bạn thân, đôi khi ta tự hỏi: Thơ lục bát “cổ điển” quá chẳng? Thơ lục bát đã cạn kiệt sức sống rồi chẳng? Thơ lục bát bây giờ không còn đủ kích thước dung chứa những thi tứ tân kỳ của thời đại điện tử, vi điện tử rồi chẳng?

Tôi không tin như vậy. Thơ lục bát - thể thơ mà tôi gọi là thể âm + dương - nó vẫn còn nguyên cái ma lực tuyệt vời của nó. Nguyễn Du, thi nhưng-hào-lung-linh-lục-bát vẫn còn được mọi người dân Việt hết lòng ngưỡng mộ, biết ơn. Ông cha ta xưa nghĩ cũng thần tình khi sáng tạo ra thể thơ này. Cấu trúc thật lạ: Câu sáu âm tiết là câu Âm, câu tám âm tiết là câu Dương. Theo cái thế lưỡng nghi, hai câu thơ ôm lấy nhau, hòa quyện vào nhau, âm ôm lấy dương, dương ôm lấy âm, âm lại ôm lấy dương... Cứ thế sinh sinh, hóa hóa khôn lường. Đó chính là tinh túy của ngôn ngữ thi ca dân tộc ta, quê hương ta... Tôi đang được tái sinh trong thơ lục bát, đang được hít thở đến tận cùng trong cái không gian văn chương lung linh, màu nhiệm mà ông cha ta để lại...

Thơ là chốn nghỉ ngơi, không phải chỗ ẩn náu, trốn đời.

Thơ hằng có và thơ cũng vô thường đối với con cháu cụ Nguyễn Du.

2. TRƯỞNG KẾ VỚI BÀI TỬ TUYỆT PHONG KIỀU DẠ BẠC

Những nhà nghiên cứu văn học thường cho rằng ai thích thơ Đường đều biết Trương Kế, tác giả bài thơ Phong Kiều dạ bạc. Sống thời thịnh Đường, Trương Kế nổi danh chỉ với bài tử tuyệt này.

Nguyên tác:

*Nguyệt bạc, ô đê, sương mãn thiên
Giang phong, ngư hỏa đối sầu miên
Cô Tô thành ngoại Hàn San tự
Dạ bán chung thanh đảo khánh thuyền*

Dịch:

Trăng tà, tiếng quạ kêu sương,
Lửa chài, cây bến, sầu vương giấc hồ
Thuyền ai đậu bến Cô Tô
Nửa đêm nghe tiếng chuông chùa Hàn San

Nguyễn Hàn Ninh

Hồi còn đi học, tóc còn xanh, tôi là học trò của thầy Trần Trọng San ở trường CVA di cư từ Bắc vào Nam năm 1954. Năm 1957 thầy cho xuất bản tác phẩm dịch thơ Đường. Đọc bài Phong Kiều dạ bạc do thầy dịch, tôi mê thơ Đường luôn. Sau đó tôi biết có nhiều nhà thơ, nhà văn lão thành cũng đã từng dịch kiệt tác này. Mấy chục năm sau, tôi cùng nhà thơ

Lê Nghị (cùng tu và cùng học với nhà thơ Phạm Thiên Thư ở trường đại học Vạn Hạnh Sài Gòn) rủ nhau lên chơi Đà Lạt. Ngủ trọ tại một ngôi chùa gần thác Pongour, tôi làm bài thơ ***Ngủ trọ đêm sơn tự:***

Nửa đêm ngồi giữa sân chùa

Vắng nghe tiếng mõ mơ hồ đâu đây

Sương khuya chỗ mỏng chỗ dày

Trăng non cũng sắp tới ngày nguyên tiêu.

Mấy ngày ở xứ sương mù, chúng tôi có ghé thăm chùa Linh Sơn và được hân hạnh gặp đại đức Viên Như. Bên tách trà thơm, ba người tuổi trung niên bàn về cái hay của bài Phong Kiều dạ bạc. Phân tích cấu trúc và ngôn ngữ bài thơ của Trương Kế, nhiều vấn đề được đặt ra qua nhiều cách dịch và bình luận của Nguyễn Quảng Tuân, Nguyễn Khuê, Nguyễn Thị Bích Hải (trong cuốn Bình giảng thơ Đường, nhà xuất bản Giáo Dục - 2003), Nguyễn Dậu, Mai Quốc Liên, Lý Việt Dũng, kể cả mấy nhà nghiên cứu văn học Trung Quốc, tỹ như “giang phong” có phải là thị danh “ngư hỏa” là sơn danh hay chỉ có nghĩa là cây phong bên sông, ánh lửa của người thuyền chài. Trong đêm thanh tịnh, bên ánh lửa chài, và dưới ánh trăng mù sương, Trương Kế có ngủ không hay thao thức khi nghe tiếng chuông chùa Hàn San vọng lại? Mà có phải tiếng chuông chùa Hàn San đánh vào lúc nửa đêm hay không? Trăng đã lặn và quạ kêu là biểu hiện của trời gần sáng. Chuông chùa không đánh vào lúc nửa đêm, cụm từ “dạ bán” có nghĩa đã quá nửa đêm, lúc đàn quạ thức dậy gọi nhau...

Đối cảnh sinh tình, phải chăng Trương Kế thao thức suốt đêm, khó ngủ, và chỉ viết được hai câu đầu; không sao có ý để viết 2 câu tiếp. May nhờ chú tiểu vâng lời sư cụ chùa Hàn san, lên gác chuông thỉnh vài ba tiếng. Tiếng chuông huyền diệu vẳng đến tai Trương Kế khiến ông có ý để viết tiếp 2 câu cuối, hoàn thành tuyệt mỹ bài tứ tuyệt. Bài này được Khang Hữu Vi đời nhà Thanh cho khắc trên đá tại chùa Hàn San tỉnh Giang Tô.

3. JE SUIS COMME JE SUIS

Những nhà văn nhà thơ nổi tiếng thường có văn phong riêng, cốt cách riêng. Văn thơ của họ không lẫn với ai cả. Nguyễn Tuân là một ví dụ, khi ứng xử với thiên hạ, Nguyễn Tuân khệnh khạng, kiểu cách nhưng văn chương thì rất trau chuốt và tinh tế. Tam Ích và Võ Phiến có văn phong sắc bén và gãy gọn, nhất là văn chính luận. Bốn mươi năm trước, đứng trên chồng sách cao, Tam Ích quàng cái giầy thòng lọng vào cổ, nhà văn thiên tả này chấp nhận cái chết vì dòng tư tưởng bế tắc, vì không thể thỏa hiệp được với cuộc đời. Ngày nay, nếu sống sót, chắc ông cũng sẽ chết thêm một lần nữa. Đó là khí tiết, là bài văn cuối cùng của ông. Cách viết độc đáo và bi tráng. Thơ Vũ Hoàng Chương nghiêng ngả sóng tình. Thơ Hàn Mặc Tử cao khiết và đầy tâm trạng. Đọc Thương nhớ mười hai của Vũ Bằng, với những ai từng sống ở Hà Nội xưa, kia thì không thể nào quên được Hà Nội, vì lời văn

ấm áp như tình nghĩa lửa hương (tôi không nói tới chuyện Vũ Bằng làm báo). Viết văn như đánh kiếm, làm thơ như lên đồng kiêu Bùi Giáng hỏi đã có mấy người. Hoàng Cầm làm thơ như múa lụa, ngôn ngữ như trái đào tiên... Không thể đổi cách viết, đổi cách tư duy như con tắc kè đổi màu được. Nhà văn có cá tính là vậy. Ông Tú Xương không lẫn trong đám đông. Ông đi tới đâu cũng bị nhận diện

Vị Xuyên có Tú Xương

Dở dở lại ương ương

Cao lâu thường ăn quít

Thổ dĩ lại chơi lường

Bà Huyện Thanh Quan nề nếp, đoan trang; có đọc thơ Hồ Xuân Hương chắc cũng đỏ mặt trách khéo: Cái bà này làm thơ đọc thấy ghê.

Thân em như quả mít trên cây

Da nó xù xì, múi nó dày

Quân tử có thương thì đóng cọc

Xin đừng mân mó, nhựa ra tay.

Ông Phan Khôi là người trực tính, nghĩ sao viết vậy, gò bó ngòi bút ông là không được, ông phản đối, không sợ quyền uy của bất cứ ai.

Làm sao cũng chẳng làm sao

Dẫu có thể nào cũng chẳng làm chi

Làm chi cũng chẳng làm chi

Đâu có làm gì cũng chẳng làm sao

Phùng Quán luôn tỏ ra có khí tiết, dù đôi lúc đói quá phải mò đi câu cá trộm. Ông hãnh diện là anh bộ đội cụ Hồ thời kháng chiến chống thực dân Pháp. Bất mãn vì ngòi bút của mình bị uốn nắn, bị “phong tỏa”, tức khí, ông viết:

Yêu ai cứ bảo là yêu

Ghét ai cứ bảo là ghét

Dù ai dùng dao dọa giết

Cũng không nói ghét thành yêu

Dù ai ngon ngọt nuông chiều

Cũng không nói yêu thành ghét

Bút mực tôi ai cướp giật đi

Tôi sẽ dùng dao viết vắn trên đá

Jacques Prévert, một nhà thơ Pháp nổi tiếng sau thế chiến thứ hai với những bài thơ phản ánh cuộc sống đời thường, không tượng trưng, cũng không đa đa siêu thực. Sau cuộc chiến tàn khốc do Hitler châm ngòi nổ, giết chết mấy chục triệu người; nước Pháp tơi tả dưới gót giày xâm lược của Đức Quốc Xã mấy năm trời. Đến khi Đức Quốc Xã bại trận, nước Pháp và cả châu Âu được giải phóng, nhưng dân Pháp nói riêng, dân châu Âu nói chung vẫn còn hoang mang, sợ sệt, mất phương hướng. Jacques Prévert đã cống hiến cho họ (dân Pháp) những vần thơ phản ánh cuộc sống hằng ngày để lấy lại tinh thần bên tách cà phê buổi sáng, bên cửa hàng bán

hoa, Paris về đêm, rượu ngọt và những ngày hội hè. Những bài thơ trong hòa bình nhưng vẫn phảng phất buồn, đôi lúc như những buổi hòa tấu không trọn vẹn (le concert n'a pas été réussi). Trong cái tâm trạng như thế, Jacques Prévert vẫn nói: "Je suis comme je suis".

Tôi thế nào thì tôi vẫn thế

Tôi sinh ra đã như thế

Khi tôi muốn cười

Tôi cười lớn

Tôi yêu người nào tôi yêu

Đó có phải là lỗi của tôi không?

(Theo Nguyễn Quang Hiện trong báo văn, xuất bản tại Sài Gòn trước 1975)

Văn là người, nhà văn với cuộc đời là một, như hình với bóng. Trương Cửu Linh đời Đường, có lúc thất chí, khi về già, soi gương rồi chạnh lòng viết:

Thùy tri minh kính lý

Hình ảnh tự tương liên

(Mới hay soi kính giờ lâu. Hình đơn, bóng lẻ bên nhau không rời).

Đọc thơ Trương Cửu Linh, tôi nhớ tới bài "Dĩ Kính Tạm Biệt" của Bạch Cư Dị. Xin được chuyển ngữ sau đây:

Gương khác gì trăng sáng

Trăng sáng sao bằng gương

*Cho dù trăng có sáng
(một) năm khuyết mười hai lần
Nếu để trong hộp ngọc
Gương vẫn sáng như thường
Trời tối vì trăng khuyết
Gương vẫn sáng luôn luôn
Thẹn thay, ta già xấu
Mái tóc đã pha sương
Nên trao lại bọn trẻ
Soi tóc cho xanh hơn
Gương này xin tặng bạn
Nhân lúc bạn lên đường.*

Ở thời nào cũng vậy, gương sáng kia có phải là phẩm chất bất biến của người viết văn, làm thơ?

Sài Gòn, cuối năm Canh Dần 2010